

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/11/2024)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến không mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng, sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái lớn hơn TBNN cùng kỳ 4%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 58%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 3-15mm, cục bộ có nơi trên 20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 43%, sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 46%.

1.2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến không mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy thấp hơn 39% so với TBNN. + Trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình, mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn 32% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 72%. + Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tuần qua biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 7%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến <5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy thấp hơn 29% so với TBNN.

+ Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ ít biến đổi so với kì trước; tổng lượng dòng chảy 7 ngày qua trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ là 33%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 61%.

+ Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến không mưa, riêng Hà Tĩnh <3mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 42%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 7%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn hơn khoảng 50%

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-25mm, có nơi trên 30mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy; sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 27%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 51%.

1.4. Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Lượng mưa phổ biến ở Quảng Bình-Quảng Trị 5-15mm; Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi: 30-110mm, có nơi trên 140mm như Nam Đông (TT.Huế) 149.4mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi) 158.2mm,...

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có dao động. Dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 64%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 41% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn 39% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 15-50mm, có nơi trên 60mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi khả năng ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 57%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 47-54%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa khu vực Nam Trung Bộ: Bình Định-Phú Yên lượng mưa phổ biến 20-55mm, có nơi cao hơn như An Nhơn (Bình Định) 58.6mm; Khánh Hòa đến Bình Thuận lượng mưa phổ biến: <15mm, có nơi trên 40mm như Phan Thiết (Bình Thuận) 49.2mm.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Trên sông An Lão (Bình Định) xuất hiện 1 đợt lũ tại An Hòa lên mức 21,92m (<BD 1 0,08m) lúc 19h (12/11). Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn 24%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 69%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) thấp hơn 10%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 76%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 51%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến <10mm.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN <55% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng <22% so với TBNN.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-50mm, có nơi trên 60mm như An Khê (Gia Lai) 184.5mm, Bảo Lộc (Lâm Đồng) 73.9mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần trước, riêng sông Krông Ana lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 35%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến <15mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông

biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 66%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Miền Đông phổ biến 10-50mm, có nơi trên 60mm như Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu) 106.9mm, Mộc Hóa (Long An) 71.6mm, Vị Thanh (Hậu Giang) 92.4mm; Rạch Giá (Kiên Giang) 65.7mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-25mm, có nơi trên 30mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN 10% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 6%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/11

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/11

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								Tổng	So sánh TBNN (%)
				15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11			
Miền núi phía Bắc	Tam Đường	0.4	<97	0	0	0	0.2	1.1	0.8	0	2.1	<84	
	Sơn La	0	<100	0	0	0.7	1.6	0.8	0	0	3.1	>57	
	Lào Cai	0	<100	0	0.3	0.5	4.8	5.1	0	0	10.7	>40	
	Yên Bái	0	<100	0.1	1.6	4.1	5.5	0.3	0	0	11.6	>80	
	Tuyên Quang	0	<100	0.2	1.5	0.8	1	0	0	0	3.5	<69	
	Hà Giang	0	<100	0	0.4	3.9	2.6	0.3	0.2	0	7.4	<28	
	Cao Bằng	0	<100	0	0.1	0.6	0	0	0	0	0.7	<91	
Lạng Sơn	0	<100	0	0.1	0.2	0	0	0	0	0.3	<95		
Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Hòa Bình	0	<100	0.3	0.3	3.1	3.3	0	0	0	7	>6	
	Bắc Giang	0	<100	0	0.1	0.4	0.1	0	0	0	0.6	<95	
	Quảng Ninh	0	<100	0	0	0.6	0	0	0	0	0.6	<93	
	Láng	0	<100	0	0.3	1.3	1.6	0	0	0	3.2	<71	
	Thái Bình	0	<100	0.1	0.6	0.1	1.4	0	0	0	2.2	<84	
	Nam Định	0	<100	0.1	0.8	0.2	3.2	0	0	0	4.3	<59	
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	0	<100	0	0.3	2.2	2.7	0	0	0	5.2	<45	
	Vinh	0	<100	0	0.3	3.7	5.7	1.3	0.1	0.1	11.2	<62	
	Hà Tĩnh	0.1	<100	0	0.4	3.9	7.3	5.2	0.9	5.3	23	<74	
Trung Trung Bộ	Huế	76.4	<44	0	0	6.5	7.2	15	4.5	7.8	41	<76	
	Quảng Ngãi	36.5	<75	0	0	4.8	20.8	12.1	0.5	19.3	57.5	<56	
Nam Trung Bộ	Nha Trang	3.2	<96	0	0	0	0.6	2.5	0.5	0.4	4	<96	
Tây Nguyên	Kon Tum	11.5	<17	1.1	0	0	0.1	0.2	0	0	1.4	<87	
	Buôn Mê Thuột	7.9	<75	0	0	0	0.3	0.5	0.1	0	0.9	<96	
Nam Bộ	Biên Hòa	5.6	<72	1	0	0	0	0.1	1.9	12.6	15.6	<4	
	Cần Thơ	23.4	<9	0.9	0.6	0.5	0.1	0.2	10.8	6	19.1	<19	

Bảng 2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/11

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/11 đến 14/11	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	418	<39	48	52	52	60	65	60	60	397	<29
Thao	Yên Bái	315	>4	25	22	21	19	17	16.0	14	133	<43
Lô	Tuyên Quang	122	<58	19	22	22	19	18	17.0	17	134	<46
Cầu	Gia Bảy	22	<32	2.42	2.42	2.68	2.98	2.68	2.5	2.42	18.1	<33
Lục Nam	Chũ	6.05	<72	0.83	0.83	0.79	0.79	0.79	0.8	0.76	5.55	<61
Hồng	Hà Nội	887	<7	100	105	109	113	118	131	136	811	<6
Mã	Cắm Thủy	169	~ TBNN	19.6	20.0	20.2	21.4	20.2	19.8	20.2	142	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	196	< 42	24.7	25.2	25.5	27.0	25.5	25.0	25.5	178	< 27
La	Hòa Duyệt	176	> 50	12.4	12.7	12.8	13.6	12.8	12.5	12.8	89.5	~ TBNN
Tả Trạch	Thượng Nhật	46.5	> 64	6.5	6.5	5.9	5.4	4.8	4.8	4.7	38.6	> 57
Thu Bồn	Nông Sơn	370	< 41	54.9	54.9	52.3	50.1	44.9	47.5	47.5	352.1	< 47
Trà Khúc	Sơn Giang	246	< 39	33.8	32.6	31.4	30.2	28	28.0	29.1	213.1	< 54
Ba	Củng Sơn	149	<69	29.4	29.8	29.4	30.2	29.8	29.8	30.2	209	<55
Cái N,T	Đồng Trăng	51	<10	6.48	6.22	6.05	6.05	6.48	6.9	7.34	45.53	<22
ĐăkBlá	KonTum	8.8	< 91	1.26	1.3	1.33	1.4	1.21	1.1	1.1	8.7	< 91
Srêpôk	Giang Sơn	76.3	< 35	7.35	6.65	5.88	4.96	4.67	4.5	4.32	38.3	< 66
Tiền	Tân Châu			1397	1389	1389	1382	1382	1375	1337	9651	> 10
Hậu	Châu Đốc			247	244	238	227	217	217	206	1740	< 6